TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 277/2023/HNGĐ-PT Ngày: 13-3-2023 V/v chia tài sản sau khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa: Bà Trần Thị Lệ Uyên

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh

Bà Nguyễn Hoàng Anh

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Phạm Thị Mỹ Tây – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 166/2022/TLPT-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn"

Do Bản án sơ thẩm số 3538/2022/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố A, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 100/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1533/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn H, sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: 58 Đường số 20, phường H, thành phố A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Hồ Thị Tú A, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: 31 Y, khu C, phường O, thành phố A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Phan Đức L – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (xin vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Hồ Khắc P, sinh năm 1990 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn M, xã U, huyện L, tỉnh K

2. Bà Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1982 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: 575/17 Sa, phường I, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Nguyễn Hồ Uyên A, sinh năm 1985 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Căn hộ số 24.02, Lầu 24, Khối 2, Chung cư V, Khu phố 4, phường O, thành phố A, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1979 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: 18/2A Đường số 3, Khu phố 2, phường M, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn H và bị đơn bà Hồ Thị Tú A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

* Nguyên đơn ông Nguyễn H trình bày:

Ông và bà Hồ Thị Tú A đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 108/2012/QĐST-HNGĐ ngày 11/7/2012 của Tòa án nhân dân Quận N, về tài sản chung chưa giải quyết. Sau khi ly hôn, ông đề nghị bà Tú A phân chia tài sản chung vợ chồng nhưng bà Tú A không đồng ý.

Trong thời kỳ hôn nhân, ông và bà Tú A tạo lập được nhiều tài sản trong đó có phần đất 300m^2 thuộc thửa đất số 3 tờ bản đồ số 104 tọa lạc tại xã T, huyện H, tỉnh Q theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH06195 ngày 20/4/2011 của Ủy ban nhân dân huyện H. Ngày 24/4/2012 ông ủy quyền cho con gái Nguyễn Hồ Uyên A thế chấp, chuyển nhượng phần thuộc quyền sử dụng của ông trong phần đất nêu trên, bà Uyên A có trách nhiệm giao lại cho ông số tiền thu được từ các hành vi đã được ủy quyền. Ngày 17/7/2014, bà Tú A và bà Uyên A chuyển nhượng 300m^2 đất cho ông Hồ Khắc P là cháu bà Tú A với giá 129.000.000 đồng theo Hợp đồng chuyển nhượng số 002717 tại Văn phòng công chứng Khải Nguyên. Ngày 14/01/2015, ông Hồ Khắc P chuyển nhượng lại diện tích đất nêu trên cho bà Tú A với giá 240.000.000 đồng theo Hợp đồng chuyển nhượng số 000157 tại Văn phòng công chứng Khải Nguyên. Các hợp đồng chuyển nhượng là giả tạo vì giá chuyển nhượng thấp nhằm hợp thức hóa quyền sử dụng của bà Tú A đối với tài sản chung vợ chồng chưa chia.

Nay ông khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung là phần đất 300m^2 thuộc thửa đất số 3 tờ bản đồ số 104 tọa lại tại xã T, huyện H, tỉnh Q theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH06195 ngày 20/4/2011 của Ủy ban nhân dân huyện H. Ông yêu cầu nhận hiện vật và đồng ý hoàn trả cho bà Tú A ½ giá trị.

Đối với yêu cầu phản tố của bà Tú A, thực chất nội dung phản tố của bà Tú A là từ Biên bản thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung vợ chồng sau ly hôn ngày 02/12/2014 và đã được tính trong lần phân chia lần thứ nhất. Theo đó, ông được chia nhà 58 Đường số 20, phường H, quận D, Thành phố Hồ Chí

Minh, bà Tú A được chia nhà 31 Y, phường O, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh và chịu trách nhiệm hoàn trả cho ông số tiền 850.000.000 đồng, trả bà Trần Hải Hà số tiền 2.900.000.000 đồng. Do đó, yêu cầu phản tố của bà Tú A không thể giải quyết trong vụ án này. Ông không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Tú A.

Đối với yêu cầu chia 275m^2 đất mang ký hiệu BT92 Dự án khu nhà ở I, phường I, thành phố A, Thành phố Hồ Chí Minh và căn hộ chung cư số 49/1 tầng 2 R, Phường 12, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, ông xin rút yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn bà Hồ Thị Tú A trình bày:

Bà xác nhận việc ly hôn đúng như ông Nguyễn H trình bày. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn H về việc chia phần đất 300m^2 thuộc thửa đất số 3 tờ bản đồ số 104 tọa lại tại xã T, huyện H, tỉnh Q, ông Nguyễn H đã khởi kiện sai đối tượng.

Ngoài ra, bà có đơn phản tố yêu cầu ông Nguyễn H trả cho bà số tiền 3.750.000.000, trong đó số tiền ông Nguyễn H đã nhận của bà 850.000.000 đồng và số tiền bà trả nợ 2.900.000.000 đồng để ông Nguyễn H sở hữu căn nhà số 58 Đường số 20, phường H, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh theo nội dung Biên bản thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung ngày 02/12/2014 tại Tòa án nhân dân Quận N.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Mỹ H trình bày:

Ngày 21/5/2013, tại Văn phòng công chứng Sài Gòn, bà và Hồ Thị Tú A ký kết Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (có tài sản gắn liền với đất) số công chứng 018951 đối với nhà đất có địa chỉ số 49/1 R, Phường 12, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình thực hiện chuyển nhượng, các bên đã cung cấp đầy đủ giấy tờ theo quy định của pháp luật, nội dung giao dịch được thể hiện đầy đủ và đúng theo hợp đồng. Đối với tranh chấp giữa ông H và bà Tú A đối với căn hộ nêu trên, bà không liên quan và không có ý kiến gì.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hồ Uyên A trình bày:

Bà không biết và không liên quan đến tranh chấp giữa các bên.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Khắc P trình bày:

Ông không biết và không liên quan đến tranh chấp giữa các bên

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà không biết và không liên quan đến tranh chấp giữa các bên

Tại Bản án sơ thẩm số 3538/2022/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn H gồm:

- Tuyên vô hiệu các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 002717 quyển số 01/2014.SCC/HĐCN giữa ông Nguyễn H, bà Hồ Thị Tú A và

ông Hồ Khắc P; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 002157 quyển số 01/2015.SCC/HĐCN ngày 14/01/2015 giữa Hồ Khắc P và bà Hồ Thị Tú A; Hủy Giấy ủy quyền số 009833 quyển số 08TP/CC-SCC/HĐGD ngày 42/4/2012 giữa ông H và bà Nguyễn Hồ Uyên A.

- Nguyên đơn ông Nguyễn H được nhận toàn bộ quyền sử dụng diện tích đất 300m^2 thuộc thửa đất số 3 tờ bản đồ số 104 tọa lại tại xã T, huyện H, tỉnh Q sau khi đã thanh toán cho bị đơn bà Hồ Thị Tú A ½ giá trị quyền sử dụng đất tương đương 1.375.916.500 đồng.

Nguyên đơn ông Nguyễn H được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên sau khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán cho bà Tú A. Trường hợp nguyên đơn ông Nguyễn H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán, bà Tú A có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi bất động sản nêu trên để thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn bà Hồ Thị Tú A về việc buộc nguyên đơn ông Nguyễn H phải trả lại cho bà Tú A số tiền 3.750.000.000 đồng.

3. Đình chỉ giải quyết các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn H do rút yêu cầu gồm:

- Yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn đối với diện tích 275m^2 đất mang ký hiệu BT92 thuộc dự án khu nhà ở I, phường I, Quận 9 (nay là thành phố A), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn đối với căn hộ chung cư tại 49/1 R, Phường 12, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc thửa đất số 13 tờ bản đồ số 01/BĐĐ, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01292/61-CP/2006 ngày 19/9/2006 của Ủy ban nhân dân quận X.

- Yêu cầu tuyên vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất số 042930 ngày 21/9/2012 giữa bà Hồ Thị Tú A, ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị N; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất số 057931 ngày 20/11/2012 giữa bà Nguyễn Thị N và bà Hồ Thị Tú A.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 25/9/2022, bà Hồ Thị Tú A nộp đơn kháng cáo bản án.

Ngày 28/9/2022, ông Nguyễn H nộp đơn kháng cáo bản án.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Nguyễn H rút đơn kháng cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn bà Hồ Thị Tú A rút một phần yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên kháng cáo không đồng ý hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Hồ Khắc P với lý do hợp đồng chuyển nhượng hợp pháp, đúng quy định pháp luật.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý phúc thẩm và xét xử. Về phía các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn H rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo, bà Hồ Thị Tú A rút một phần yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm do rút kháng cáo.

Về nội dung: Bà Tú A cho rằng phần đất 300m^2 tại huyện H, tỉnh Q là tài sản riêng của bà. Tuy nhiên, xét các hợp đồng chuyển nhượng giữa bà Hồ Thị Tú A, bà Nguyễn Hồ Uyên A với ông Hồ Khắc P, nhận thấy giá chuyển nhượng không phù hợp thực tế, không có chứng cứ giao nhận tiền và giao nhận đất như các hợp đồng chuyển nhượng thông thường. Như vậy các bên chỉ giao dịch trên giấy tờ mà không có việc chuyển nhượng diễn ra trên thực tế. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Hồ Thị Tú A, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về án phí phúc thẩm giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn H rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo và bà Hồ Thị Tú A rút một phần yêu cầu kháng cáo. Xét đây là ý chí tự nguyện của đương sự phù hợp với điểm b Khoản 1 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Nguyễn H và một phần yêu cầu kháng cáo của bà Hồ Thị Tú A.

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn H và bà Hồ Thị Tú A đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 108/2012/QĐST-HNGĐ ngày 11/7/2012 của Tòa án nhân dân Quận N. Nay ông Nguyễn H khởi kiện yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn.

[3] Xét kháng cáo của bà Hồ Thị Tú A, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[3.1] Phần đất diện tích 300m^2 thửa số 3 tờ bản đồ số 104 xã T, huyện H, tỉnh Q thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn H và bà Hồ Thị Tú A theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 06195 ngày 20/4/2011 của Ủy ban nhân dân huyện H. Ngày 24/4/2012, ông Nguyễn H ủy quyền cho bà Nguyễn Hồ Uyên A thế chấp, chuyển nhượng phần quyền sử dụng của ông trong 300m^2 tại huyện H, tỉnh Q. Ngày 17/7/2014, bà Hồ Thị Tú A, bà Nguyễn Hồ Uyên A đại diện ông Nguyễn H chuyển nhượng đất cho ông Hồ Khắc P với giá

129.000.000 đồng. Ngày 14/01/2015, ông Hồ Khắc P chuyển nhượng lại phần đất nêu trên cho bà Tú A với giá 240.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét giá trị của phần đất nêu trên tại thời điểm tháng 7/2014 theo Chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần Định giá và Đầu tư Kinh doanh bất động sản V là 1.179.734.000 đồng. So sánh với mức giá của lần chuyển nhượng đầu tiên với các lần chuyển nhượng qua lại giữa bà Tú A và ông Phi và mức giá hiện nay thấy có sự chênh lệch rất lớn. Cụ thể ông H và bà Tú A nhận chuyển nhượng 300m^2 của Tập đoàn phát triển Nhà và Đô thị với giá 460.296.300 đồng nhưng sau đó bà Uyên A bà Tú A chuyển nhượng cho ông Phi với giá 129.000.000 đồng mà theo bà Tú A khai vì ông Phi là cháu ruột nên bán rẻ (bút lục 318), sau đó ông Phi chuyển nhượng lại cho bà Tú A với giá 240.000.000 đồng thấp hơn so với giá trị thực tế. Hội đồng xét xử thấy rằng các bên lập hợp đồng chuyển nhượng qua lại với mục đích không thật nhằm hợp thức hóa quyền sử dụng riêng của bà Tú A đối với tài sản chung của vợ chồng. Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, bà Tú A khai chuyển nhượng đất để gom tiền trả khoản nợ 2.900.000.000 đồng xây nhà năm 2012 nhưng thực tế bà chuyển nhượng cho ông Hồ Khắc P với giá rất rẻ, thấp hơn mức giá bà mua lần đầu. Án sơ thẩm xác định các hợp đồng nêu trên là giả tạo nên tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng là có căn cứ. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Hồ Thị Tú A về vấn đề này.

[3.2] Về ký kiến của bà Tú A cho rằng không còn tài sản để chia vì ở một vụ án khác ông Nguyễn H khai vợ chồng đã bán, rồi mua, rồi bán nhiều tài sản trong đó có phần đất ở huyện H, tỉnh Q để tạo lập nhà 31 Y, Quận N và nhà 58 Đường số 20 quận D. Nhận thấy nhà 31 Y mua năm 2008 xây dựng năm 2011, nhà 58 Đường số 20 được mua trước khi mua nhà 31 Y. Thời điểm ông Nguyễn H khởi kiện vụ án đó vào năm 2014, bà Tú A chưa chuyển nhượng cho ông Phi phần đất ở huyện H, tỉnh Q. Do đó, ý kiến của bà Tú A cho rằng không còn tài sản để chia là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định trên, nhận thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Hồ Thị Tú A, nghĩ cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Những nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí phúc thẩm: Đương sự kháng cáo thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 228, Điều 289, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 122, Điều 213, Điều 407, Điều 500, Điều 502 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Nguyễn H.

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần yêu cầu kháng cáo của bà Hồ Thị Tú A.

3. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Hồ Thị Tú A.

4. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 3538/2022/HNGĐ-ST ngày 16/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố A, Thành phố Hồ Chí Minh, như sau:

4.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn H.

Hủy Giấy ủy quyền số 009833 quyển số 08TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/4/2012 giữa ông Nguyễn H và bà Nguyễn Hồ Uyên A.

Tuyên bố vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 002717 ngày 17/7/2014 giữa ông Nguyễn H, bà Hồ Thị Tú A với ông Hồ Khắc P và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 002157 ngày 14/01/2015 giữa ông Hồ Khắc P với bà Hồ Thị Tú A.

Giao ông Nguyễn H được nhận quyền sử dụng đất 300m^2 thuộc thửa 03 tờ bản đồ số 104 xã T, huyện H, tỉnh Q sau khi đã thanh toán cho bà Hồ Thị Tú A ½ giá trị quyền sử dụng đất tương đương 1.375.916.500 đồng.

Ông Nguyễn H được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán cho bà Hồ Thị Tú A. Trường hợp ông Nguyễn H không thực hiện nghĩa vụ, bà Hồ Thị Tú A được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án đấu giá phần đất nêu trên. Sau khi trừ chi phí đấu giá và các chi phí khác có liên quan đến việc đấu giá, số tiền còn lại được chia cho ông Nguyễn H và bà Hồ Thị Tú A theo tỉ lệ mỗi người nhận ½ giá trị.

4.2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Hồ Thị Tú A về việc buộc ông Nguyễn H hoàn trả số tiền 3.750.000.000 đồng.

4.3.Đình chỉ giải quyết các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn H do rút yêu cầu gồm:

- Yêu cầu chia diện tích 275m^2 đất ký hiệu BT92 thuộc Dự án khu nhà ở I, phường I, thành phố A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Yêu cầu chia căn hộ chung cư số 49/1 R, Phường 12, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01292/61-CP/2006 ngày 19/9/2006 của Ủy ban nhân dân quận X.

- Yêu cầu tuyên bố vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất số 042930 ngày 21/9/2012 giữa bà Hồ Thị Tú A, ông Nguyễn H với bà Nguyễn Thị N và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử

dụng đất có tài sản gắn liền với đất số 057931 ngày 20/11/2012 giữa bà Nguyễn Thị N với bà Hồ Thị Tú A.

4.4.Về chi phí tố tụng: Bà Hồ Thị Tú A có trách nhiệm hoàn trả ông Nguyễn H số tiền 12.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí thẩm định giá.

Những nội dung khác của phần quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn H và bà Hồ Thị Tú A được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Bà Hồ Thị Tú A được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Cục Thi hành án dân sự TPHCM;
- Tòa án nhân dân Q.D;
- Chi cục THADS Q.D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lệ Uyên